

Số: /KH-BMTE

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu các cơ sở dữ liệu của Cục Bà mẹ và Trẻ em

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Thực hiện Kế hoạch số 1248/KH-BYT ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế về việc triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế, Cục Bà mẹ và Trẻ em xây dựng Kế hoạch cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Thực hiện các hoạt động làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa và duy trì dữ liệu sống đối với Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ - trẻ em, sức khỏe sinh sản (SKBMTE/SKSS) và Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở đảm bảo các tiêu chí: Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dùng chung, Đồng bộ, Xuyên suốt; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh dữ liệu cho các CSDL; đảm bảo liên thông, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia của Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các nền tảng quản lý khác theo quy định.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Phấn đấu trên 90% tài khoản trên Hệ thống thông tin lĩnh vực SKBMTE/SKSS liên thông thành công từ các phần mềm Quản lý thông tin khám bệnh, chữa bệnh (HIS); đảm bảo dữ liệu được làm sạch, chuẩn hóa.

- Phấn đấu trên 90% trẻ em dưới 16 tuổi được tạo lập hồ sơ, điều tra cập nhật dữ liệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp. Thực hiện đối soát dữ liệu với C06 để đảm bảo tiêu chí Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dùng chung, Đồng bộ, Xuyên suốt.

- Hoàn thành liên thông, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia của Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các nền tảng quản lý khác theo quy định trước ngày 30/9/2026.

2. Yêu cầu:

- Tổ chức chiến dịch tập trung trong 90 ngày nhằm rà soát, làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa và duy trì dữ liệu sống đối với Hệ thống thông tin lĩnh vực SKBMTE/SKSS và Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở; bảo đảm dữ liệu đạt các tiêu chí: Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dùng chung, Đồng bộ, xuyên suốt.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hệ thống chính trị; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh dữ liệu cho các CSDL.

- Nâng cao chất lượng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, cung cấp dịch vụ công, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong toàn ngành y tế; đồng thời phục vụ việc liên thông, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các nền tảng quản lý khác theo quy định.

- Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ với cấp tỉnh và cấp xã/phường; xác định rõ trách nhiệm của Sở Y tế, UBND cấp xã, Trạm y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các đơn vị có liên quan. Hình thành quy trình vận hành thường xuyên sau chiến dịch để dữ liệu tiếp tục được cập nhật, kiểm tra, phúc tra, cảnh báo lỗi và duy trì ở trạng thái sống.

- Kết hợp xử lý kỹ thuật tập trung với rà soát, xác minh tại địa phương. Các lỗi có thể xử lý tự động được thực hiện tập trung; các lỗi liên quan đến nhân thân, cư trú, hộ tịch, tình trạng hiện tại, địa bàn quản lý hoặc logic nghiệp vụ phải chuyển về địa phương, đơn vị phát sinh dữ liệu hoặc cơ quan có thẩm quyền để xác minh.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu sức khỏe, dữ liệu trẻ em, dữ liệu người yếu thế và các dữ liệu nhạy cảm khác.

- Trong quá trình làm sạch, không tự động xóa, gộp hoặc thay đổi trạng thái hồ sơ khi chưa đủ căn cứ nghiệp vụ hoặc chưa có xác nhận của đơn vị có thẩm quyền.

3. Các hoạt động cụ thể:

3.1. Hoàn thiện các văn bản quy định liên quan để đảm bảo tính pháp lý:

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia xây dựng khung kiến trúc dữ liệu được chuẩn hóa theo Khung kiến trúc dữ liệu y tế của Bộ Y tế (thực hiện theo tiến độ xây dựng Khung kiến trúc dữ liệu y tế của Bộ Y tế)

- Rà soát, trình ban hành quy định danh mục các trường thông tin, trong đó có phân lớp dữ liệu rõ ràng (thực hiện trong tháng 7/2026).

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia xây dựng và trình phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin của các Hệ thống.

- Trình ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, bảo đảm an toàn, an ninh mạng của các Hệ thống, phần mềm.
- Hoàn thành và trình Hồ sơ sở hữu toàn dân đối với các Hệ thống, phần mềm.
- Hoàn thành việc dịch chuyển hạ tầng đối với Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở và phối hợp với Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia hoàn thành dịch chuyển hạ tầng Hệ thống thông tin lĩnh vực SKBMTE/SKSS về Trung tâm Dữ liệu quốc gia.
- Tiếp tục rà soát, tham mưu ban hành các văn bản liên quan để đảm bảo tính pháp lý trong triển khai các phần mềm.

3.2. Làm giàu, làm sạch đối với Hệ thống thông tin lĩnh vực SKBMTE/SKSS:

a) Tăng cường chỉ đạo:

- Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cung cấp dịch vụ SKBMTE/SKSS đã liên thông từ các phần mềm HIS đến Hệ thống thông tin lĩnh vực SKBMTE/SKSS rà soát, kiểm tra các hồ sơ đã thực hiện liên thông, đặc biệt đối với các hồ sơ thử nghiệm (Test), hồ sơ được nhập thủ công trực tiếp trên phần mềm để xóa, chỉnh sửa thông tin, đảm bảo thông tin đúng nội dung, đủ các trường thông tin theo quy định.
- Làm sạch, bổ sung dữ liệu căn cước công dân/số định danh cá nhân của các hồ sơ trên Hệ thống; đảm bảo 100% các hồ sơ có đầy đủ trường thông tin CCCD/định danh cá nhân trước khi chuyển dữ liệu từ các phần mềm HIS đến Hệ thống.
- Đối với các tỉnh, thành phố đạt mục tiêu liên thông dữ liệu từ phần mềm HIS đến Hệ thống thông tin lĩnh vực SKBMTE/SKSS tập trung rà soát, tháo gỡ vướng mắc để phấn đấu đạt 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cung cấp dịch vụ SKBMTE/SKSS liên thông từ các phần mềm HIS đến Hệ thống.
- Đối với các tỉnh, thành phố có tỷ lệ tài khoản liên thông thấp, xem xét thành lập Tổ công tác do Sở Y tế làm đầu mối, với sự tham gia của đơn vị cấp tỉnh tham mưu công tác SKBMTE/SKSS (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) và các công ty thiết kế phần mềm HIS chủ yếu của tỉnh, thành phố để chỉ đạo liên thông dữ liệu.
- Tổ CNTT Cục Bà mẹ và Trẻ em thực hiện theo dõi hàng ngày tiến độ liên thông trên Hệ thống, tổng hợp dữ liệu số tài khoản liên thông, tỷ lệ liên thông; số hồ sơ liên thông hợp lệ; tỷ lệ hồ sơ liên thông hợp lệ có số CCCD, định danh cá nhân để báo cáo Ban Chỉ đạo Bộ Y tế theo quy định.
- Cục Bà mẹ và Trẻ em định kỳ tổ chức các cuộc họp trực tuyến để đánh giá tiến độ, đôn đốc các tỉnh, thành phố có tỷ lệ liên thông thấp.

b) Rà soát, chuẩn hóa hệ thống tài khoản:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố đề nghị các Bệnh viện trung ương, Bệnh viện ngành, Bệnh viện tư nhân và chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cung cấp

dịch vụ SKBMTE/SKSS trên địa bàn rà soát thông tin tài khoản trên Hệ thống thông tin lĩnh vực SKBMTE/SKSS, tổng hợp, có văn bản gửi Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia:

- + Đề nghị các bổ sung tài khoản trong trường hợp chưa có tài khoản;
- + Đề nghị chỉnh sửa thông tin tài khoản chưa đúng;
- + Đề nghị bỏ các tài khoản của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không cung cấp dịch vụ SKBMTE/SKSS nhưng vẫn có trên Hệ thống.
- Đề nghị Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia hỗ trợ, rà soát, cấp, điều chỉnh thông tin và bỏ các tài khoản theo đề xuất của các Sở Y tế.

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật:

- Cục Bà mẹ và Trẻ em chịu trách nhiệm hướng dẫn các bước trong quy trình liên thông, làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu trên Hệ thống bằng nhiều hình thức: hỗ trợ các tỉnh thông qua tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp thông qua hoạt động giám sát tiến độ tại các đơn vị; tổ chức các cuộc họp kỹ thuật hỗ trợ...
- Các tỉnh chủ động hướng dẫn cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tổ chức các nhóm kỹ thuật có sự tham gia của các kỹ sư phần mềm

3.3. Làm giàu, làm sạch đối với Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở:

a) Tăng cường chỉ đạo:

- Mỗi tỉnh/thành phố thành lập Tổ công tác do Sở Y tế làm đầu mối. Thành phần gồm đại diện Lãnh đạo Sở làm Tổ trưởng, các thành viên của phòng tham mưu công tác trẻ em của Sở và đơn vị trực thuộc Sở tham mưu công tác trẻ em để chỉ đạo triển khai công tác rà soát, làm sạch, làm giàu dữ liệu trên Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở.

- Sở Y tế phối hợp chặt chẽ với Công an địa phương, Tư pháp - hộ tịch và UBND cấp xã để thống nhất kế hoạch làm giàu, làm sạch dữ liệu; thực hiện các hoạt động giám sát hỗ trợ cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Mỗi xã/phường/đặc khu thành lập Tổ dữ liệu gồm đại diện UBND cấp xã, Công an cấp xã, tư pháp - hộ tịch, Trạm y tế, Công chức văn hóa - xã hội, cộng tác viên và trưởng thôn/tổ dân phố. Tổ này chịu trách nhiệm xác minh các trường hợp trẻ em dưới 16 tuổi theo địa bàn, thu thập thông tin trẻ theo biểu mẫu thu thập để nhập dữ liệu trên Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở. UBND cấp xã giao nhiệm vụ cụ thể về thu thập, cập nhật, làm sạch dữ liệu trẻ em cho người làm công tác trẻ em cấp xã để triển khai nhiệm vụ.

- Tổ CNTT Cục Bà mẹ và Trẻ em thực hiện theo dõi hàng ngày tiến độ làm giàu, làm sạch dữ liệu trên Hệ thống, giám sát chặt chẽ số hồ sơ trẻ, dữ liệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên Hệ thống; nhắc nhở kịp thời các địa phương không triển khai hoặc triển khai chưa quyết liệt công tác làm giàu, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu.

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật:

Cục Bà mẹ và Trẻ em tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn trực tuyến để hướng dẫn thu thập, nhập dữ liệu trên Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở. Các tỉnh có nhu cầu liên hệ với Cục Bà mẹ và Trẻ em để tổ chức các lớp tập huấn trực tiếp.

Đối với các lỗi kỹ thuật trên phần mềm, các tỉnh tổng hợp lỗi theo link: <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1vmQPAsDPSiKgDVI-CRQRPHyIi7-9jnFt/edit?gid=314307330#gid=314307330> để được các cán bộ kỹ thuật hỗ trợ.

c) Đối soát dữ liệu với Cơ sở dữ liệu dân cư (C06):

- Cục Bà mẹ và Trẻ em phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia để thống nhất giải pháp lấy dữ liệu dân cư từ trực của Trung tâm về phần mềm để chuyển đến các địa phương rà soát, làm sạch, làm giàu dữ liệu.

- Triển khai giải pháp kỹ thuật để liên thông, tái sử dụng dữ liệu dân cư thông qua đối soát số định danh cá nhân hoặc căn cước công dân của trẻ để làm sạch dữ liệu hành chính.

d) Nâng cấp Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở để kết nối, liên thông, tái sử dụng dữ liệu từ CSDL về Hộ tịch:

- Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia triển khai phương án tiếp nhận, tái sử dụng thông tin trẻ em khai sinh từ Cơ sở dữ liệu về Hộ tịch của Bộ Tư pháp.

- Nâng cấp Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở để tiếp nhận thông tin trẻ em được khai sinh từ CSDL về Hộ tịch, sử dụng các thông tin để đối soát với danh sách trẻ em trên Hệ thống để bổ sung hồ sơ trường hợp trẻ còn thiếu trên Hệ thống cho từng xã, phường, đặc khu; rà soát bổ sung trường thông tin thông qua đối soát số định danh cá nhân của trẻ để cập nhật các thông tin cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ.

đ) Thu thập bổ sung thông tin trẻ em:

- UBND các xã, phường, đặc khu thu thập danh sách trẻ em dưới 16 tuổi trên địa bàn từ nguồn dữ liệu Hộ tịch – Tư pháp; nguồn dữ liệu khai sinh (đối với trẻ mới sinh); rà soát với CSDL dân cư (Công an) trên địa bàn để cung cấp cho đầu mối người làm công tác trẻ em cấp xã.

- Người làm công tác trẻ em cấp xã tham mưu Tổ dữ liệu của UBND xã, phường, thị trấn phân công cộng tác viên tại các thôn làng, tổ dân phố... rà soát, cập nhật thông tin trẻ dưới 16 tuổi trong danh sách; gửi về Tổ dữ liệu để rà soát, tổng hợp và làm sạch.

- Người làm công tác trẻ em cấp xã nhập dữ liệu trên phần mềm; đảm bảo đầy đủ các trường yêu cầu, đúng nội dung đã xác minh.

- Phối hợp thực hiện rà soát, đối soát sau giai đoạn khi có dữ liệu, trong đó lưu ý:

- + Trẻ mới sinh, khai sinh, thay đổi địa chỉ, người giám hộ, trẻ chuyển đi/đã mất.

- + Số định danh cá nhân/CCCD đối với hồ sơ thiếu, sai hoặc nghi sai.
- + Xác minh tình trạng cư trú, chuyển đi, không còn ở địa bàn.
- + Hỗ trợ xác minh trường hợp trùng/nghi trùng nhân thân.
- + Phối hợp tư pháp - hộ tịch xác minh trường hợp đã mất nhưng hồ sơ còn trạng thái hoạt động.
- + Phối hợp UBND cấp xã, trạm y tế, công chức văn hóa - xã hội xác minh trẻ em, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ được trợ giúp.
- + Phối hợp xác minh địa chỉ, người đại diện, người chăm sóc trẻ.

3.4. Thực hiện quy trình làm sạch dữ liệu:

Bước 1. Sao lưu dữ liệu:

Thực hiện sao lưu tại thời điểm bắt đầu chiến dịch để làm căn cứ so sánh trước - sau. Toàn bộ thao tác chỉnh sửa, cập nhật, gộp, tách, xóa, khóa hồ sơ phải có nhật ký xử lý.

Bước 2. Đánh giá chất lượng dữ liệu:

Đánh giá các nhóm lỗi: thiếu trường bắt buộc; sai định dạng; sai logic nghiệp vụ; trùng lặp tuyệt đối; nghi trùng tương đối; dữ liệu không còn sống hoặc không đúng trạng thái hiện tại; dữ liệu rác/test; sai danh mục dùng chung hoặc sai địa giới hành chính.

Bước 3. Chuẩn hóa danh mục và định dạng:

Chuẩn hóa danh mục địa giới hành chính, mã cơ sở y tế, mã cơ sở tiêm chủng, mã cơ sở trợ giúp xã hội, mã cơ sở thực phẩm, mã đơn vị nhân sự, danh mục giới tính, dân tộc, trạng thái hồ sơ, loại dịch vụ, loại đối tượng; chuẩn hóa họ tên, ngày tháng, CCCD/số định danh, số điện thoại, địa chỉ, mã cơ sở, mã địa bàn, mã giấy phép/chứng chỉ.

Bước 4. Xử lý trùng lặp:

Trùng tuyệt đối được xử lý tập trung theo quy tắc đã được phê duyệt. Trùng tương đối phải chuyển về đơn vị phát sinh dữ liệu hoặc địa phương để xác minh trước khi gộp, tách hoặc xóa.

Bước 5. Bổ sung dữ liệu thiếu:

Dữ liệu thiếu được bổ sung từ dữ liệu đã có trong hệ thống của Bộ Y tế; dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, hộ tịch, bảo hiểm, địa giới, cơ sở y tế hoặc hệ thống liên quan theo cơ chế được phê duyệt; hồ sơ nghiệp vụ tại các đơn vị chuyên ngành; kết quả xác minh thực địa của UBND cấp xã, Công an cấp xã, tư pháp - hộ tịch, trạm y tế và cộng tác viên.

Bước 6. Kiểm tra, phúc tra:

Sau khi cập nhật, hệ thống chạy lại bộ quy tắc kiểm tra. Sở Y tế và đơn vị chủ quản CSDL tổ chức kiểm tra/phúc tra theo mẫu, ưu tiên các địa phương có tỷ lệ lỗi cao, xử lý chậm hoặc có biến động dữ liệu bất thường.

Bước 7. Duy trì dữ liệu sống:

Sau chiến dịch, mỗi CSDL có quy trình cập nhật thường xuyên, dashboard cảnh báo lỗi mới, cơ chế báo cáo định kỳ và đầu mối chịu trách nhiệm duy trì chất lượng dữ liệu.

3.5. Tổng hợp, báo cáo kết quả:

- Định kỳ hàng ngày, Cục Bà mẹ và Trẻ em tổng hợp, báo cáo kết quả liên thông theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Bộ Y tế; hàng tuần tổng hợp tiến độ, gửi văn bản đến Sở Y tế các tỉnh, thành phố để nhắc nhở thực hiện.

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố định kỳ hàng tháng tổng hợp kết quả liên thông, thống kê những vấn đề vướng mắc, có văn bản gửi Cục Bà mẹ và Trẻ em và Trung tâm Thông tin y tế để đề nghị hỗ trợ.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Tổ CNTT – Cục Bà mẹ và Trẻ em:

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể để thực hiện các hoạt động tập huấn, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đầu mối triển khai thực hiện các nội dung; giám sát đốc thúc chặt chẽ việc triển khai thực hiện các hoạt động về tiến độ và chất lượng.

- Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia, Doanh nghiệp đồng hành trong thực hiện chiến dịch 90 ngày của Bộ Y tế.

4.2. Đề nghị Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia:

- Phối hợp, hỗ trợ Cục Bà mẹ và Trẻ em trong hoàn thiện các văn bản pháp lý trong triển khai các phần mềm, cơ sở dữ liệu.

- Phân công cán bộ tiếp tục hỗ trợ các tỉnh trong liên thông dữ liệu từ các phần mềm HIS đến Hệ thống thông tin lĩnh vực SKBMTE/SKSS. Hỗ trợ cấp, điều chỉnh thông tin, xử lý các tài khoản từ đề xuất các tỉnh đến đơn vị. Hỗ trợ các tỉnh trong xử lý các hồ sơ thử nghiệm, hồ sơ sai chưa đúng thông tin trên Hệ thống. Phân công cán bộ tham gia hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh, thành phố cùng Cục Bà mẹ và Trẻ em.

- Hỗ trợ Cục Bà mẹ và Trẻ em trong đối soát

4.3. Đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố:

- Căn cứ nội dung của Kế hoạch số 1248/KH-BYT ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế về việc triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế và nội dung của Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện (kế hoạch riêng hoặc lồng ghép với Kế hoạch số 1248/KH-BYT).

- Chỉ đạo quyết liệt các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn thực hiện liên thông từ phần mềm HIS đến Hệ thống thông tin lĩnh vực SKBMTE/SKSS; triển khai thực hiện việc làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu trên Hệ thống theo hướng dẫn. Bổ sung các hồ sơ thiếu trường thông tin về Căn cước công dân/định

danh cá nhân và bắt buộc nhập trường thông tin Căn cước công dân/định danh cá nhân trong các hồ sơ mới. Rà soát, làm sạch các hồ sơ thử nghiệm; đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mới kết nối chỉ đạo sử dụng hồ sơ của đối tượng thật để đảm bảo dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố văn bản chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện Kế hoạch làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở. Phối hợp chặt chẽ với ngành tư pháp, công an và các ban, ngành, đoàn thể để rà soát, bổ sung dữ liệu trẻ em dưới 16 tuổi còn thiếu; chỉnh sửa dữ liệu trẻ em dưới 16 tuổi bị sai thông tin, đặc biệt các thông tin hành chính (họ tên, ngày/tháng/năm sinh, số định danh cá nhân...) và các thông tin trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em được trợ giúp.

Cục Bà mẹ và Trẻ em đề nghị các đơn vị thuộc Cục; Sở Y tế các tỉnh, thành phố và các cá nhân, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung kế hoạch triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. Nguyễn Tri Thức (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố (để b/c);
- Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo;
- Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố;
- Các bệnh viện trực thuộc Bộ liên quan;
- Các lãnh đạo Cục;
- Các phòng thuộc Cục;
- Tổ CNTT;
- Lưu: VT, VP.

CỤC TRƯỞNG

Đinh Anh Tuấn

Phụ lục I
TIẾN ĐỘ LIÊN THÔNG, THU THẬP DỮ LIỆU TRÊN HỆ THỐNG
THÔNG TIN LĨNH VỰC SKBMTE/SKSS
(số liệu thống kê đến ngày 08/7/2026)

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số tài khoản	Số tài khoản liên thông	Tỷ lệ	Tổng HS liên thông	Tổng số HS hợp lệ
1	TP. Cần Thơ	141	18	12,77	8.256	4.228
2	TP. Đà Nẵng	312	112	35,90	31.177	25.879
3	TP. Hà Nội	677	150	22,16	56.753	42.808
4	TP. Hải Phòng	324	51	15,74	30.273	20.280
5	TP Hồ Chí Minh	292	48	16,44	46.976	39.206
6	TP. Huế	150	33	22,00	8.451	4.852
7	An Giang	344	98	28,49	4.791	3.198
8	Bắc Ninh	350	131	37,43	251.709	24.016
9	Cà Mau	90	84	93,33	26.931	17.096
10	Cao Bằng	188	127	67,55	2.312	1.093
11	Đắk Lắk	335	302	90,15	34.738	8.013
12	Điện Biên	145	133	91,72	19.001	13.750
13	Đồng Nai	423	211	49,88	84.082	66.262
14	Đồng Tháp	153	31	20,26	7.009	5.148
15	Gia Lai	433	406	93,76	142.660	94.668
16	Hà Tĩnh	225	101	44,89	2.698	1.892
17	Hưng Yên	446	13	2,91	473.757	1.634
18	Khánh Hòa	236	80	33,90	58.821	12.087
19	Lai Châu	117	107	91,45	96.546	30.969
20	Lâm Đồng	193	169	87,56	57.048	36.785
21	Lạng Sơn	80	41	51,25	9.566	6.070
22	Lào Cai	374	108	28,88	32.611	12.996
23	Nghệ An	482	129	26,76	706.200	18.970
24	Ninh Bình	486	9	1,85	3.822	3.732
25	Phú Thọ	580	54	9,31	2.858.903	1365.330
26	Quảng Ngãi	303	205	67,66	54.066	28.447
27	Quảng Ninh	207	154	74,40	212.819	26.311
28	Quảng Trị	298	199	66,78	6.416	3.151
29	Sơn La	214	214	100	61.923	40.508
30	Tây Ninh	316	20	6,33	6.566	4.841
31	Thái Nguyên	331	249	75,23	20.780	13.749
32	Thanh Hóa	620	199	32,10	18.112	14.854
33	Tuyên Quang	387	6	1,55	3.092	1.670
34	Vĩnh Long	167	21	12,57	7.145	4.092
	Tổng cộng	10.419	4013	38,52	5.446.010	1.998.585

Phụ lục II
TIỀN ĐỘ THU THẬP DỮ LIỆU TRÊN
HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN TRẺ EM TẠI CƠ SỞ
(số liệu thống kê đến ngày 08/7/2026)

TT	Tỉnh/Thành phố	Số trẻ em	Số trẻ em có CCCD	Số trẻ có HCDB	Nguy cơ HCDB	Số trẻ được hưởng trợ giúp
1	TP. Cần Thơ	478.092	456.143	1.882	17.960	100.200
2	TP. Đà Nẵng	543.703	518.256	3.913	26.689	81.759
3	TP. Hà Nội	1.920.433	1.920.977	11.516	15.936	215.033
4	TP. Hải Phòng	969.347	919.451	11.299	14.118	141.393
5	TP. Hồ Chí Minh	1.485.477	1.299.114	5.324	11.449	83.662
6	TP. Huế	168.792	166.159	1.827	3.966	11.312
7	Tỉnh An Giang	637.514	531.437	2.771	29.337	130.057
8	Tỉnh Bắc Ninh	767.883	665.263	2.616	32.164	159.917
9	Tỉnh Cà Mau	311.652	273.710	1.519	8.156	52.492
10	Tỉnh Cao Bằng	118.868	109.966	871	41.723	44.383
11	Tỉnh Đắk Lắk	450.779	338.898	18.036	58.814	127.183
12	Tỉnh Điện Biên	211.588	211.647	1.283	75.157	63.211
13	Tỉnh Đồng Nai	810.654	721.993	2.478	6.743	13.693
14	Tỉnh Đồng Tháp	505.460	706.419	2.508	26.769	171.034
15	Tỉnh Gia Lai	609.987	469.650	3.124	41.477	117.979
16	Tỉnh Hà Tĩnh	346.722	345.543	1.888	14.362	49.763
17	Tỉnh Hưng Yên	624.150	532.678	4.421	7.555	119.732
18	Tỉnh Khánh Hòa	384.048	360.209	2.261	22.938	42.976
19	Tỉnh Lai Châu	147.529	144.683	561	24.168	12.216
20	Tỉnh Lâm Đồng	583.295	487.816	4.147	21.952	108.408
21	Tỉnh Lạng Sơn	141.042	108.690	874	25.138	60.237
22	Tỉnh Lào Cai	324.147	252.961	1.966	42.821	121.065
23	Tỉnh Nghệ An	780.418	678.691	2.625	40.327	101.209
24	Tỉnh Ninh Bình	1.012.468	981.363	4.222	15.167	91.831
25	Tỉnh Phú Thọ	815.002	718.395	4.396	40.963	101.202
26	Tỉnh Quảng Ngãi	395.987	353.934	11.384	44.315	106.455
27	Tỉnh Quảng Ninh	331.029	294.979	1.524	3.967	25.057
28	Tỉnh Quảng Trị	373.099	330.371	3.452	28.715	61.973
29	Tỉnh Sơn La	325.018	306.651	2.259	51.129	56.641
30	Tỉnh Tây Ninh	416.859	337.973	1.435	8.459	95.700
31	Tỉnh Thái Nguyên	368.281	333.053	2.411	36.558	66.065
32	Tỉnh Thanh Hoá	956.642	900.856	4.495	39.692	91.503
33	Tỉnh Tuyên Quang	446.114	422.542	1.819	65.450	109.409
34	Tỉnh Vĩnh Long	499.529	418.585	1.799	20.896	157.617
	Tổng cộng	19.261.608	17.619.065	128.906	965.030	3.092.367